

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TUY HÒA
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2023/HNGĐ – ST

Ngày: 29/5/2023

V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA, TỈNH PHÚ YÊN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Diễm Anh Trúc.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phan Thị Oanh và bà Đào Thị Ngâm.

Thư ký phiên tòa: Bà Mai Lê Trúc Uyên – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 87/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2023 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2023/QĐXXST – HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Lê Tấn S, sinh năm 1988; Nơi cư trú: khu phố 4, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có mặt

- Bị đơn: Lâm Thị Mỹ T, sinh năm 1990; Nơi cư trú: khu phố 4, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Lê Tấn S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: anh Lê Tấn S và chị Lâm Thị Mỹ T tự nguyện tìm hiểu, đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND phường P, thành phố T theo Giấy CNKH số 37 ngày 04/6/2012. Tuy Nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không tìm thấy tiếng nói chung. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu ly hôn.

Về con chung: có hai con chung là Lê Lâm Gia L – sinh ngày 14/11/2012 và Lê Lâm Gia N – sinh ngày 17/7/2017, hiện đang sống với mẹ. Anh S nhận thấy chị

T nuôi con không đảm bảo, không chăm sóc con chu đáo nên không đồng ý giao chị T nuôi cả 02 con. Anh yêu cầu được nuôi cháu Gia N, giao chị T nuôi cháu Gia L, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: không có.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Lâm Thị Mỹ T trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Việc vợ chồng kết hôn là đúng như anh S trình bày. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không hạnh phúc nên chị thống nhất ly hôn.

Về con chung: có hai con chung là Lê Lâm Gia L – sinh ngày 14/11/2012 và Lê Lâm Gia N – sinh ngày 17/7/2017, hiện đang sống với mẹ. Vì các cháu đều có nguyện vọng ở với mẹ nên chị đồng ý nuôi cả hai con, không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng cũng không đồng ý chia tách hai con để mỗi người nuôi một đứa như ý kiến của anh S.

Về tài sản chung: Ngày 23/3/2023, chị có đơn yêu cầu giải quyết chia tài sản chung là nhà đất tại khu phố 4, phường P, thành phố T và các vật dụng sinh hoạt gia đình. Đến ngày 12/5/2023, có đơn xin rút yêu cầu chia tài sản chung, đồng ý để vợ chồng tự thỏa thuận.

Về nợ chung: không có.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.
- Bị đơn vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày và tự nguyện rút yêu cầu chia tài sản chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thủ tục tố tụng:** Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp về ly hôn, bị đơn có nơi cư trú tại khu phố 4, phường P, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: anh Lê Tấn S và chị Lâm Thị Mỹ T tự nguyện tìm hiểu, đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND phường P, thành phố Tuy Hòa

nên là hôn nhân hợp pháp. Trong thời gian chung sống phát sinh mâu thuẫn như các đương sự đã trình bày. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, các đương sự đều thống nhất ly hôn nên HĐXX công nhận sự thuận tình ly hôn giữa nguyên đơn và bị đơn.

[2.2] Về con chung: có hai con chung là Lê Lâm Gia L – sinh ngày 14/11/2012 và Lê Lâm Gia N – sinh ngày 17/7/2017. Xét hiện nay các con đang sống với mẹ, do chị T trực tiếp nuôi dưỡng; cháu L có đơn tự nguyện ở với mẹ nên yêu cầu được trực tiếp nuôi con của bị đơn là phù hợp, nhằm đảm bảo sự phát triển bình thường và cuộc sống ổn định của các cháu. HĐXX chấp nhận giao 02 con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh S không phải cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định tại các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xét.

Bị đơn xin rút yêu cầu chia tài sản chung, việc rút yêu cầu là tự nguyện nên HĐXX chấp nhận, đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản chung theo đơn yêu cầu ngày 23/3/2023 của bị đơn Lâm Thị Mỹ T.

[3] **Về án phí:** Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn. Hoàn lại cho bị đơn số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu chia tài sản chung.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 51, 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lê Tấn S và chị Lâm Thị Mỹ T.

- Về con chung: Giao hai con chung là Lê Lâm Gia L – sinh ngày 14/11/2012 và Lê Lâm Gia N – sinh ngày 17/7/2017 cho chị Lâm Thị Mỹ T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng; anh Lê Tấn S không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: không xét.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản chung theo đơn yêu cầu ngày 23/3/2023 của bị đơn Lâm Thị Mỹ T.

- Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Nguyên đơn Lê Tấn S phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0008011 ngày 13 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa.

Hoàn lại cho bị đơn Lâm Thị Mỹ T số tiền 6.250.000đ (*sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0008035 ngày 23 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TA tỉnh Phú Yên;
- VKSND TP Tuy Hòa;
- Chi cục THADS TP Tuy Hòa;
- UBND phường P, TP T (Giấy CNKH số 37 ngày 04/6/2012);
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Diễm Anh Trúc

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phan Thị Oanh Đào Thị Ngâm

Lê Diễm Anh Trúc

Nơi nhận:

- TA tỉnh Phú Yên;
- VKSND TP Tuy Hòa;
- Chi cục THADS TP Tuy Hòa;
- UBND phường 6, Tp Tuy Hòa;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Diễm Anh Trúc

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Thị Minh Tuyết

Lê Thị Thanh Thuận

Lê Diễm Anh Trúc

Nơi nhận:

- TA tỉnh Phú Yên;
- VKSND TP Tuy Hòa;
- Chi cục THADS TP Tuy Hòa;
- UBND phường 6, Tp Tuy Hòa;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Diễm Anh Trúc

